
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 tiền thân là Đoàn Quản lý đường sông số 3, trực thuộc Cục Đường sông Việt Nam. Công ty chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4010/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải ngày 25/10/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000524 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Vốn điều lệ ban đầu là 18.344.450.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 số 5700102567 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08 tháng 7 năm 2016

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 4: 106.697.300.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2018: 106.697.300.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Việt Loan	15.000.000.000	14,06%
Ông Phạm Văn Phả	15.000.000.000	14,06%
Các cổ đông khác	76.697.300.000	71,88%
Tổng	106.697.300.000	100%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại : 0203 835 799
Mã số thuế : 5 7 0 0 1 0 2 5 6 7

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Việt Loan	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Phả	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hải Anh	Ủy viên HĐQT
Ông Đỗ Công Hào	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Văn Chính	Ủy viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

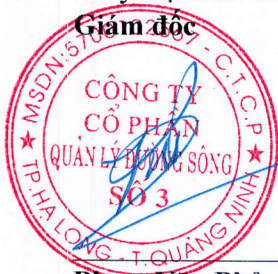
Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Phả

Số : 2906.01.02/2018/BCTC – NVT2
Ngày : 13 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018 từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHKT số: 1690-2018-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.782.657.922	39.541.284.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.575.792.450	2.159.465.679
1. Tiền	111		5.564.326.697	2.159.465.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.011.465.753	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.400.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.992.229.175	33.605.846.057
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.642.047.292	31.258.497.224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	106.500.001	36.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	5.374.287.182	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	869.394.700	2.311.348.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		617.376.932	3.682.212.846
1. Hàng tồn kho	141	V.7	617.376.932	3.682.212.846
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		197.259.365	93.759.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	197.259.365	93.759.628
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.861.268.096	97.042.282.929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.583.417.937	62.989.799.531
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	58.583.417.937	62.989.799.531
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.292.559.790	31.422.027.341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.611.819.790	13.741.287.341
<i>Nguyên giá</i>	222		27.683.209.424	28.267.809.424
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.071.389.634)	(14.526.522.083)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.680.740.000	17.680.740.000
<i>Nguyên giá</i>	228		17.680.740.000	17.680.740.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	237.415.075	237.415.075
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		237.415.075	237.415.075
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.747.875.294	2.393.040.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.747.875.294	2.393.040.982
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.643.926.018	136.583.567.139

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.779.420.910	19.034.467.430
I. Nợ ngắn hạn	310		18.489.729.196	13.603.857.670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	765.771.237	5.805.964.448
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.440.000.000	785.105.726
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.465.902.976	3.689.842.235
4. Phải trả người lao động	314		541.097.772	1.772.350.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	606.528.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.478.348.620	938.730.889
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17a	421.069.537	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	377.539.054	5.335.963
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.289.691.714	5.430.609.760
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	3.991.385.896	4.754.035.351
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17b	298.305.818	676.574.409
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

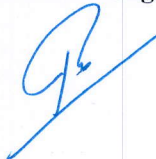
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.864.505.108	117.549.099.709
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	112.864.505.108	117.549.099.709
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		327.808.533	327.808.533
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.839.396.575	10.523.991.176
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.395.386.176	382.216.184
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.444.010.399	10.141.774.992
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.643.926.018	136.583.567.139

Người lập biểu



Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng



Bùi Nhật Lệ

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Phạm Văn Phả

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	23.118.731.105	26.314.821.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.118.731.105	26.314.821.255
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.758.542.260	20.706.594.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.360.188.845	5.608.226.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	60.848.204	319.515.711
7. Chi phí tài chính	22		-	15.264.443
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	15.264.443
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2.261.645.489	1.522.017.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.159.391.560	4.390.460.530
11. Thu nhập khác	31	VI.5	177.272.727	205.415.132
12. Chi phí khác	32	VI.6	16.724.725	6.373.618
13. Lợi nhuận khác	40		160.548.002	199.041.514
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.319.939.562	4.589.502.044
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	875.929.163	918.471.009
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.444.010.399</u>	<u>3.671.031.035</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>344</u>	<u>366</u>

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Phạm Văn Phả

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.790.232.544	31.341.602.148
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.178.666.907)	(10.111.068.987)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.104.753.377)	(1.936.313.211)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(14.004.016)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.560.000.020)	(1.283.038.166)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.063.519.439	2.092.797.218
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.404.059.494)	(16.274.104.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.606.272.185	3.815.870.846
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		195.000.000	213.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.054.586	955.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.189.945.414)	6.413.955.711

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.681.996.526
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(751.996.526)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.401.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(5.471.838.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.416.326.771	4.757.988.557
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.159.465.679	1.660.010.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.575.792.450	6.417.998.974

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn

Kế toán trưởng

Bùi Nhật Lệ

Lập ngày 13 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Phạm Văn Phá

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Quản lý, bảo dưỡng đường thủy nội địa; tư vấn lập phương án và tổ chức, điều tiết, khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Tư vấn, lập phương án và tổ chức; Điều tiết, khống chế bảo đảm giao thông đường thủy nội địa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoa tiêu đường thủy nội địa; Nạo vét, trục vớt, thanh thải chướng ngại vật đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Massage;
 - Đóng tàu và cầu kiện nổi;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển;
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, duy tu kè, cột thủy trí, chính trị sông...; Sản xuất và sửa chữa lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)/.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp cơ khí – Công trình	Tổ 1, Khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 tại Hà Nội	Số 6, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

Công ty thực hiện đánh giá trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào cuối năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 4A ngõ Phát Lộc, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài, nguyên giá được xác định theo chứng thư thẩm định giá số 408/2016/CTTĐG-CIMEICO ngày 18 tháng 19 năm 2016 của Công ty TNHH Định giá CIMEICO.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.536.958.972	625.302.920
Tiền gửi ngân hàng	3.027.367.725	1.534.162.759
Các khoản tương đương tiền (*)	3.011.465.753	-
Cộng	<u>8.575.792.450</u>	<u>2.159.465.679</u>

(*) Theo Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn số 09/2018/MSB-TGCKH ký ngày 2 tháng 5 năm 2018. Số tiền gốc gửi tiết kiệm ban đầu là 3 tỷ đồng với thời hạn 1 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Lãi nhập gốc là 11.465.753 đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	4.400.000.000	4.400.000.000	-	-
Cộng	<u>4.400.000.000</u>	<u>4.400.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08/2018/MSB-TGCKH ký ngày 2 tháng 5 năm 2018. Số tiền gửi tiết kiệm là 4,4 tỷ đồng với thời hạn 8 tháng, lãi suất 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	22.512.235.084	21.343.634.976
Công ty Cổ phần du lịch AST	22.512.235.084	21.343.634.976
Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	2.129.812.208	9.914.862.248
Ban quản lý dự án công trình TP Hạ Long	359.746.000	-
Ban quản lý Vịnh Hạ Long	423.944.274	-
Công ty cổ phần cầu 12- CIENCO 1	527.702.934	2.527.702.934
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung (*)	539.000.000	77.000.000
Công ty TNHH thương mại Tân Lập	239.022.000	239.022.000
Cục đường thủy nội địa Việt Nam	3.900.000	6.122.776.171
Công ty Cổ phần truyền thông G&G Việt Nam	-	219.000.000
Các khách hàng khác	36.497.000	729.361.143
Cộng	24.642.047.292	31.258.497.224

(*) Tham chiếu thuyết minh VI.1

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác		
Ông Đặng Hồng Dương	36.000.000	36.000.000
Các nhà cung cấp khác	70.500.001	-
Cộng	106.500.001	36.000.000

5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình điều tiết sông Chanh	1.168.552.730	-
Công trình Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa Khu vực 4	4.205.734.452	-
Cộng	5.374.287.182	-

Là khoản phải thu theo tiến độ công trình thực hiện từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 6 năm 2018 đang trong thời gian chờ nghiệm thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	31.116.653	-	-	-
Công ty Cổ phần du lịch AST - khoản phải thu tiền chi hộ chi phí neo đậu thuyền (*)	5.040.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Việt Loan - phải thu chi phí sửa chữa tàu theo phân chia chi phí (**)	26.076.653	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	838.278.047	-	2.311.348.833	-
Phải thu CBCNV tiền điện thoại vượt khoán	44.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh - lãi tiền gửi hợp đồng có kỳ hạn	45.793.618	-	-	-
Thuế TNCN phải thu	211.555.060	-	228.875.060	-
Tạm ứng	11.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	555.939.373	-	2.069.084.138	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.945.996	-	13.389.635	-
Cộng	869.394.700	-	2.311.348.833	-

(*) Theo hợp đồng vận chuyển khách tham quan và lưu trú trên tàu du lịch số 25/2017/HĐVCK-ĐS3 ký ngày 30 tháng 12 năm 2017. Qua đó, Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 nhận vận chuyển hành khách tham quan và lưu trú ngủ đêm trên Vịnh Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long; Công ty Cổ phần du lịch AST có nghĩa vụ mua vé tham quan và các loại phí cảng bến...

(**) Tỷ lệ phân chia chi phí được xác định theo Hợp đồng kinh doanh chia lợi nhuận số 01/2018/HĐKD ký ngày 01 tháng 01 năm 2018.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	41.151.491.937	-	45.557.873.531	-
Bà Nguyễn Thị Việt Loan - ký cược, ký quỹ (*)	37.833.333.329	-	38.833.333.331	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển tàu du lịch (**)	3.318.158.608	-	6.724.540.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	17.431.926.000	-	17.431.926.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại xây dựng sông Hồng (***)	17.431.926.000	-	17.431.926.000	-
Cộng	58.583.417.937	-	62.989.799.531	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Theo Hợp đồng đặt cọc về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại Số 06 Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 1 tháng 6 năm 2017. Số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng trong thời gian 20 năm, để đảm bảo thực hiện Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại số 06 Lương Ngọc Quyến, Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (ĐS3). Số tiền đặt cọc được giải tỏa dần hàng tháng và được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê địa điểm kinh doanh kể từ tháng 6 năm 2017. Nếu trong thời gian của hợp đồng, ĐS3 từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì sẽ bị mất toàn bộ tiền đặt cọc; nếu Bà Nguyễn Thị Việt Loan từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì ngoài việc hoàn trả số tiền đặt cọc còn phải nộp phạt số tiền bằng số tiền đặt cọc.

(**) Theo Hợp đồng số 17A/2016/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 4 tháng 7 năm 2016 về việc đặt cọc thuê tàu du lịch. Công ty thực hiện đặt cọc 13 tỷ đồng trong thời gian 5 năm để đảm bảo thực hiện Hợp đồng thuê tàu du lịch số 15A/HĐTTDL-2016 ký ngày 28 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (ĐS3) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển tàu du lịch. Số tiền đặt cọc được giải tỏa dần hàng tháng và được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê tàu kể từ tháng 11 năm 2016. Trong thời gian thực hiện của hợp đồng, nếu ĐS3 từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì sẽ mất toàn bộ tiền đặt cọc; nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển tàu du lịch từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì ngoài việc hoàn trả số tiền đặt cọc còn phải nộp phạt số tiền bằng tiền đặt cọc.

(***) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/2017/HĐHTĐT ký ngày 25 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (ĐS3) và Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Xây dựng Sông Hồng cùng hợp tác để hoàn thiện Dự án Đầu tư Xây dựng khu nhà ở dân dân tại địa chỉ Tổ 35, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội theo hình thức hợp tác đầu tư mà không thành lập pháp nhân. Cụ thể: ĐS3 đồng ý góp vốn bằng 30% tổng vốn đầu tư cho toàn bộ dự án theo khái toán là (58.106.420.000 x 30%), số tiền 17.431.926.000 đồng và trở thành chủ sở hữu 30% giá trị thương mại của Dự án. Thời hạn hợp tác đầu tư là 60 tháng và có thể gia hạn theo thỏa thuận bằng văn bản.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	94.393.686	-	229.041.820	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	522.983.246	-	3.453.171.026	-
Cộng	617.376.932	-	3.682.212.846	-

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Phân loại lại	Phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào CP SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm máy tính	-	1.125.000	-	(1.125.000)	-
Chi phí bảo hiểm	-	15.798.175	59.649.705	(30.768.972)	44.678.908
Công cụ dụng cụ	93.759.628	94.739.958	103.067.273	(163.671.532)	127.895.327
Chi phí sửa chữa	-	-	42.465.017	(23.148.978)	19.316.039
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.279.550	13.453.636	(9.364.095)	5.369.091
Cộng	93.759.628	112.942.683	218.635.631	(228.078.577)	197.259.365

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Phân loại lại	Phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào CP SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm máy tính	14.847.220	(1.125.000)	-	(6.333.336)	7.388.884
Chi phí bảo hiểm	15.798.175	(15.798.175)	-	-	-
Công cụ dụng cụ	2.130.700.169	(94.739.958)	-	(402.473.193)	1.633.487.018
Chi phí sửa chữa	228.226.221	-	-	(122.963.446)	105.262.775
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.469.197	(1.279.550)	-	(453.030)	1.736.617
Cộng	2.393.040.982	(112.942.683)	-	(532.223.005)	1.747.875.294

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.234.274.476	1.196.470.979	18.837.063.969	28.267.809.424
Phân loại lại	-	(409.387.914)	409.387.914	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(584.600.000)	(584.600.000)
Số cuối kỳ	8.234.274.476	787.083.065	18.661.851.883	27.683.209.424
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	455.147.980	725.501.538	5.938.214.692	7.118.864.210
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.408.358.316	750.167.329	11.367.996.438	14.526.522.083
Khấu hao trong kỳ	187.538.838	6.158.154	935.770.559	1.129.467.551
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(584.600.000)	(584.600.000)
Số cuối kỳ	2.595.897.154	756.325.483	11.719.166.997	15.071.389.634
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.825.916.160	446.303.650	7.469.067.531	13.741.287.341
Số cuối kỳ	5.638.377.322	30.757.582	6.942.684.886	12.611.819.790

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ký ngày 9 tháng 11 năm 2016 giữa Ông Nguyễn Thiện Quang - Bà Cát Thúy Hằng (bên A) và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (bên B). Theo đó, bên A đồng ý chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số 4A ngõ Phát Lộc, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội cho bên B. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài, nguyên giá được xác định theo chứng thư thẩm định giá số 408/2016/CTTĐG-CIMEICO ngày 18 tháng 19 năm 2016 của Công ty TNHH Định giá CIMEICO. Đến ngày 18 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 được UBND Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 333849, số vào sổ cấp GCN CT – DAC1993.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	237.415.075	237.415.075
Công trình Nhà văn phòng Đội	237.415.075	237.415.075
Cộng	237.415.075	237.415.075

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả người bán ngắn hạn khác				
DNTN_Xí nghiệp thương mại Cao Xanh	347.938.487	347.938.487	-	-
Công ty Cổ phần đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng	99.151.800	99.151.800	-	-
Hợp tác xã dịch vụ du lịch Van Chải Hạ Long	84.920.000	84.920.000	135.680.000	135.680.000
Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Đại Phong	63.448.000	63.448.000	150.381.000	150.381.000
Công ty TNHH Du lịch dịch vụ Thương mại Thúy Nga	37.381.496	37.381.496	787.381.496	787.381.496
Công ty TNHH cơ khí thủy Đức Thịnh	-	-	1.629.475.651	1.629.475.651
Cty TNHH 1TV Mai Hoàng 69	-	-	610.479.211	610.479.211
Các nhà cung cấp khác	132.931.454	132.931.454	2.492.567.090	2.492.567.090
Cộng	765.771.237	765.771.237	5.805.964.448	5.805.964.448

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Người mua trả tiền trước hạn khác				
Chi Cục đường thủy nội địa phía Bắc	7.400.000.000	7.400.000.000	-	-
Công ty CP Quản lý bảo trì ĐTNĐ số 1	40.000.000	40.000.000	-	-
Ban quản lý Vịnh Hạ Long	-	-	659.517.726	659.517.726
Công ty TNHH Quan Minh	-	-	125.588.000	125.588.000
Cộng	7.440.000.000	7.440.000.000	785.105.726	785.105.726

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	897.743.385	882.200.398	(1.359.593.515)	420.350.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.545.216.313	875.929.163	(2.560.000.020)	861.145.456
Thuế thu nhập cá nhân	246.882.537	53.996.467	(116.471.752)	184.407.252
Cộng	3.689.842.235	1.812.126.028	(4.036.065.287)	1.465.902.976

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị thuê tàu phải trả	-	606.528.000
Cộng	-	606.528.000

16. Phải trả khác**a/ Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.144.032.800	-
Ban lãnh đạo – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.144.032.800	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.334.315.820	938.730.889
Kinh phí công đoàn	9.537.620	5.900.000
Xí nghiệp Dịch vụ cơ khí bảo trì - các khoản chi hộ	-	781.525.089
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	5.324.778.200	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	151.305.800
Cộng	7.478.348.620	938.730.889

(*) Tham chiếu Thuyết minh số V.19c

b/ Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.474.385.896	4.237.035.351
Bà Nguyễn Thị Việt Loan - hợp tác kinh doanh (*)	3.474.385.896	4.237.035.351
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	517.000.000	517.000.000
Ông Như Ánh Dương - phải trả chi phí hợp tác kinh doanh khu dịch vụ (**)	517.000.000	517.000.000
Cộng	3.991.385.896	4.754.035.351

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản phải trả Bà Nguyễn Thị Việt Loan theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2012/HĐHTKD-CTCPĐS3 về việc đóng mới tàu thủy lưu trú du lịch ký ngày 20 tháng 9 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 và Bà Nguyễn Thị Việt Loan. Theo đó, 2 bên đồng ý góp vốn để đóng mới tàu thủy lưu trú du lịch vô thép với thời gian hợp tác là 20 năm, tỷ lệ phân chia là DS3 60% và Bà Nguyễn Thị Việt Loan 40%.
- Phụ lục hợp đồng số 12/2014/PLHĐHTKD về việc đóng mới tàu thủy lưu trú du lịch ký ngày 10 tháng 9 năm 2014, thay đổi tỷ lệ vốn góp liên doanh và tỷ lệ chia lãi, lỗ, rủi ro là: DS3 55% và Bà Nguyễn Thị Việt Loan 45%.
- Hợp đồng kinh doanh chia lợi nhuận số 01/2018/HĐKD ký ngày 1 tháng 1 năm 2018 thống nhất phân chia lợi nhuận, bà Nguyễn Thị Việt Loan được hưởng lợi ích là 35% của 45% doanh thu hoạt động kinh doanh tàu du lịch Cristina Cruise QN-7868.

(**) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/HĐHTKD-KHĐS3-2009 ký ngày 09 tháng 3 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 (bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vương Long (bên B) với người đại diện là Ông Như Ánh Dương. Qua đó, Hai bên A và B đồng ý hợp tác góp vốn để xây dựng khu Dịch vụ và Khách sạn tại khu B theo tổng mặt quy hoạch cải tạo tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Quảng Ninh duyệt ngày 24 tháng 11 năm 2003. Thời gian của hợp đồng là 40 năm (đến năm 2048), với hình thức: bên A góp 20% (gồm giá trị đã đầu tư xây dựng phần móng công trình, số tiền đã nộp thuế từ năm 2005 – 2009, còn lại góp bằng tiền) và bên B góp 80% (gồm tiền lập quy hoạch, thiết kế và xây dựng công trình). Ngoài ra, bên A được cộng thêm vào vốn góp 5% giá trị xây dựng khu dịch vụ, do đó, tỷ lệ vốn mỗi bên là bên A 25%, bên B 75%. Do việc góp vốn và hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới nên bên A ủy quyền toàn bộ cho bên B chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động kinh doanh.

Khu B được xác định theo:

- Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc “Cho Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 được chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất để xây dựng trụ sở văn phòng và khu dịch vụ tại Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long”. Khu vực cụ thể đất thuê theo Bản đồ hiện trạng xin thuê đất tỷ lệ 1/200 đã được UBND tỉnh phê duyệt ngày 31/7/2007. Theo đó, khu B với diện tích 469,5m² được Công ty thuê để xây dựng khu dịch vụ.
- Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc “Cho thuê bổ sung và điều chỉnh ranh giới, diện tích thuê đất cho Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 3 theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm để xây dựng trụ sở và khu dịch vụ tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long” kèm theo Bản trích lục và đo vẽ bổ sung điều chỉnh ranh giới xin thuê đất. Theo đó, diện tích khu B Công ty thuê để xây dựng khu dịch vụ tăng lên 813,3m².

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17. Dự phòng phải trả
a/ Ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sử dụng trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng bảo hành công trình Công trình Đầu tư HTBH kết nối các điểm tham quan tuyến 4 BQLV	-	170.308.682	-		170.308.682
Gói thầu: Sửa chữa hệ thống phao neo, phao báo hiệu tại các điểm tham quan và lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh Hạ Long	-	-	125.070.273	(98.194.705)	26.875.568
Gói thầu: Thi công xây dựng cầu Cẩm Hải. Hạng mục: Phao, biển báo hiệu, báo hiệu khoang thông thuyền	-	-	38.526.227	(29.313.031)	9.213.196
Gói thầu SXBH-03: Sản xuất bổ sung báo hiệu Khu vực 3	-	-	214.672.091		214.672.091
Cộng	-	170.308.682	378.268.591	(127.507.736)	421.069.537

b/ Dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sử dụng trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng bảo hành công trình					-
Gói thầu: Sửa chữa hệ thống phao neo, phao báo hiệu tại các điểm tham quan và lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh Hạ Long	125.070.273	-	(125.070.273)	-	-
Gói thầu: Thi công xây dựng cầu Cẩm Hải. Hạng mục: Phao, biển báo hiệu, báo hiệu khoang thông thuyền	38.526.227	-	(38.526.227)	-	-
Gói thầu SXBH-03: Sản xuất bổ sung báo hiệu Khu vực 3	214.672.091	-	(214.672.091)	-	-
Xây dựng sửa chữa khách sạn số 06 Lương Ngọc Quyến (*)	298.305.818	-	-	-	298.305.818
Cộng	676.574.409	-	(378.268.591)	-	298.305.818

(*) Theo hợp đồng yêu cầu thời hạn bảo hành là 2 năm

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	5.335.963
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	659.794.000
Chi quỹ	(287.590.909)
Số cuối kỳ	377.539.054

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	106.697.300.000	327.808.533	6.876.072.566	113.901.181.099
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	10.141.774.992	10.141.774.992
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(92.018.382)	(92.018.382)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(6.401.838.000)	(6.401.838.000)
Số dư cuối năm trước	106.697.300.000	327.808.533	10.523.991.176	117.549.099.709
Số dư đầu năm nay	106.697.300.000	327.808.533	10.523.991.176	117.549.099.709
Lợi nhuận Văn phòng trong kỳ này	-	-	3.444.010.399	3.444.010.399
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(659.794.000)	(659.794.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(7.468.811.000)	(7.468.811.000)
Số dư cuối kỳ này	106.697.300.000	327.808.533	5.839.396.575	112.864.505.108

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thị Việt Loan	15.000.000.000	14,06%
Ông Phạm Văn Phá	15.000.000.000	14,06%
Các cổ đông khác	76.697.300.000	71,88%
Cộng	106.697.300.000	100%

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.669.730	10.669.730
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu phổ thông	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu phổ thông	10.669.730	10.669.730
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

c) Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 136/2018/ĐS3/NQ - ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức/lợi nhuận cho các cổ đông/thành viên	: 7.468.811.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 659.794.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy	15.354.058.170	5.805.872.874
Doanh thu vận chuyển hành khách trên tàu (*)	5.333.000.092	14.142.545.456
Doanh thu cho thuê khách sạn (**)	420.000.000	77.000.000
Doanh thu kinh doanh khách sạn	1.983.454.659	372.468.377
Doanh thu hoạt động khác	28.218.184	5.916.934.548
Tổng	<u>23.118.731.105</u>	<u>26.314.821.255</u>

(*) Theo Hợp đồng vận chuyển khách tham quan và lưu trú trên tàu du lịch số 25/2017/HĐVCK-ĐS3 ký ngày 30 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 và Công ty Cổ phần Du lịch AST.

(**) Theo Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số 4A, ngõ Phát Lộc, phường Hàng Broom, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội số 16/2017/HĐTDKD ký ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 3 và Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung. Thời hạn thuê trong vòng 12 tháng với giá thuê đã bao gồm VAT là 77.000.000 đồng/ tháng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Công ty Cổ phần Du lịch AST - dịch vụ vận chuyển khách	5.333.000.092	

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy	9.840.794.887	4.296.665.448
Giá vốn vận chuyển hành khách trên tàu	4.707.670.876	10.959.619.436
Giá vốn cho thuê khách sạn	404.827.834	-
Giá vốn kinh doanh khách sạn	1.804.848.663	343.318.486
Giá vốn hoạt động khác	400.000	5.106.991.386
Cộng	<u>16.758.542.260</u>	<u>20.706.594.756</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	57.259.371	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.588.833	955.711
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	318.560.000
Cộng	<u>60.848.204</u>	<u>319.515.711</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.206.151.525	962.728.543
Chi phí vật liệu quản lý	104.189.633	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.036.000	103.310.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.856.938	29.951.390
Thuế, phí và lệ phí	180.988.017	54.249.994
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(331.547.310)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.796.668	490.986.000
Các chi phí khác	240.626.708	212.337.932
Cộng	2.261.645.489	1.522.017.237

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	177.272.727	168.234.223
Các khoản thu nhập khác	-	37.180.909
Cộng	177.272.727	205.415.132

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	16.724.725	2.853.000
Các khoản chi phí khác	-	3.520.618
Cộng	16.724.725	6.373.618

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại Văn phòng Công ty	4.319.939.562	4.589.502.044
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	59.706.255	2.853.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thuế bị phạt, truy thu tại Văn phòng</i>	575.695	2.853.000
<i>Thuế bị phạt, truy thu tại chi nhánh</i>	16.149.030	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	42.981.530	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	4.379.645.817	4.592.355.044
Thu nhập tính thuế	4.379.645.817	4.592.355.044
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	875.929.163	918.471.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	875.929.163	918.471.009
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	875.929.163	918.471.009

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.444.010.399	3.671.031.035
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	223.860.676	238.617.017
- <i>Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	223.860.676	238.617.017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.667.871.075	3.909.648.052
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.669.730	10.669.730
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	344	366

(*) số liệu tạm trích theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 136/2018/ĐS3/NQ - ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018. Tỷ lệ tạm tính là: 6,5%

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.669.730	10.669.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.669.730	10.669.730

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.851.790.652	7.925.461.428
Chi phí nhân công	3.815.920.258	5.468.613.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.129.467.551	1.086.524.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.683.681.690	4.193.816.814
Chi phí khác	609.139.818	1.607.482.209
Cộng	16.089.999.969	20.281.897.655

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Bù trừ tiền cọc vào tiền thuê khách sạn và thuê tàu	4.406.381.594

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Bà Nguyễn Thị Việt Loan	
<i>Phải thu chi phí sửa chữa tàu</i>	26.076.653
<i>Đổi trừ tiền thuê khách sạn và khoản đặt cọc</i>	1.000.000.002
<i>Tiền hợp tác kinh doanh phải trả</i>	324.976.164
<i>Trả tiền hợp tác kinh doanh</i>	1.087.625.619

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.6a, V.6b, V.16a, V.16b

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tô 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Tiền lương	669.417.768
Thù lao	80.812.800
Tiền cổ tức được phân phối (*)	2.144.032.800
Cộng	2.894.263.368

(*) Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 136/2018/ĐS3/NQ - ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018. Số tiền để chia cổ tức là: 7.468.811.000 đồng, chia cổ tức 700 đồng/CP.

Đến 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa chi trả khoản cổ tức này.

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần du lịch AST	Bà Nguyễn Thị Việt Loan – chủ tịch HĐQT của DS3, đồng thời là Tổng giám đốc của AST
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển tàu du lịch	Giám đốc là ông Nguyễn Mạnh Dũng – chồng bà Nguyễn Thị Việt Loan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Công ty Cổ phần du lịch AST	
<i>Phải thu dịch vụ vận chuyển hành khách</i>	6.026.300.108
<i>Phải thu khoản chi hộ</i>	5.040.000
<i>Tiền thu từ cung cấp dịch vụ</i>	4.857.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển tàu du lịch	
<i>Đối trừ tiền thuê tàu và tiền đặt cọc</i>	3.406.381.592

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3, V.6a, V.6b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy

Lĩnh vực vận chuyển hành khách trên tàu

Lĩnh vực kinh doanh khách sạn

Lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SỐNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực vận chuyển hành khách				Lĩnh vực kinh doanh khách sạn				Lĩnh vực khác				Cộng
	Lĩnh vực đường thủy	Lĩnh vực vận chuyển hành khách	Lĩnh vực kinh doanh khách sạn	Lĩnh vực khác	Lĩnh vực đường thủy	Lĩnh vực vận chuyển hành khách	Lĩnh vực kinh doanh khách sạn	Lĩnh vực khác	Lĩnh vực đường thủy	Lĩnh vực vận chuyển hành khách	Lĩnh vực kinh doanh khách sạn	Lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.354.058.170	5.333.000.092	1.983.454.659	448.218.184	23.118.731.105								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.354.058.170	5.333.000.092	1.983.454.659	448.218.184	23.118.731.105								
Chi phí bộ phận	(9.840.794.887)	(4.707.670.876)	(1.804.848.663)	(405.227.834)	(16.758.542.260)								
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.513.263.283	625.329.216	178.605.996	42.990.350	6.360.188.845								
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(2.261.645.489)								
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					4.098.543.356								
Doanh thu hoạt động tài chính					60.848.204								
Chi phí tài chính					-								
Thu nhập khác					177.272.727								
Chi phí khác					(16.724.725)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(875.929.163)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-								
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.444.010.399								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác													(218.635.631)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn													(1.661.690.556)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực đường thủy	Lĩnh vực vận chuyển hành khách	Lĩnh vực kinh doanh khách sạn	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.959.999.390	25.861.510.345	55.514.073.329	17.976.026.000	106.311.609.064
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					29.332.316.954
Tổng tài sản					135.643.926.018
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	12.101.226.670	-	298.305.818	-	12.399.532.488
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					10.379.888.422
Tổng nợ phải trả					22.779.420.910

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng, cung cấp dịch vụ với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nhà nước và đơn vị là bên liên quan nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Dự phòng phải trả	421.069.537	298.305.818	-	719.375.355
Phải trả người bán	765.771.237	-	-	765.771.237
Các khoản phải trả khác	8.536.446.392	3.474.385.896	-	12.010.832.288
Cộng	9.723.287.166	3.772.691.714	-	13.495.978.880
Số đầu năm				
Dự phòng phải trả	-	676.574.409	-	676.574.409
Phải trả người bán	5.805.964.448	-	-	5.805.964.448
Các khoản phải trả khác	3.834.609.298	4.237.035.351	-	8.071.644.649
Cộng	9.640.573.746	4.913.609.760	-	14.554.183.506

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

D, Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.575.792.450	2.159.465.679	8.575.792.450	2.159.465.679
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.400.000.000	-	4.400.000.000	-
Phải thu khách hàng	30.016.334.474	31.258.497.224	30.016.334.474	31.258.497.224
Các khoản phải thu khác	59.452.812.637	65.301.148.364	59.452.812.637	65.301.148.364
Cộng	102.444.939.561	98.719.111.267	102.444.939.561	98.719.111.267
Nợ phải trả tài chính				
Dự phòng phải trả	719.375.355	676.574.409	719.375.355	676.574.409
Phải trả người bán	765.771.237	5.805.964.448	765.771.237	5.805.964.448
Các khoản phải trả khác	12.010.832.288	8.071.644.649	12.010.832.288	8.071.644.649
Cộng	13.495.978.880	14.554.183.506	13.495.978.880	14.554.183.506

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định bằng giá trị sổ sách do đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng.

6. Những thông tin khác

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

- Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 136/2018/ĐS3/NQ - ĐHCĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 6,5%. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại.

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.8)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	340	366

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTC tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	Số liệu phân loại lại	Số liệu trên BCTC tổng hợp giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Bảng cân đối kế toán				
Tổng hợp giữa niên độ				
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.455.730.889	(517.000.000)	938.730.889
Phải trả dài hạn khác	337	4.237.035.351	517.000.000	4.754.035.351

Lập ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Đinh Thị Toàn**Kế toán trưởng**

Bùi Nhật Lệ**Giám đốc****Phạm Văn Phả**